

Số: 16/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 25 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Nhan .
- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hoàng Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Lê Phương Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 647/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định mở phiên họp số 06/2026/QĐST-TA ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu:

+ Anh Trần Văn S, sinh năm 1970. CCCD số 030070003164. ĐKKHKT: số 98 N, tổ dân phố D, phường L, TP .. Hiện cư trú tại: New Zealand.

Người đại diện theo ủy quyền của anh S: Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 2003. Địa chỉ: Số D H, phường T, thành phố Hải Phòng.

+ Chị Bùi Thị M, sinh năm 1982. CCCD số 030182022925. ĐKKHKT: số 98 N, tổ dân phố D, phường L, TP .. Hiện cư trú tại: New Zealand.

Người đại diện theo ủy quyền của chị M: Chị Đoàn Thị Kiều T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố Hải Phòng.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG:

Theo yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung của anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M cùng các tài liệu có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, có nội dung:

Anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H (nay là phường H, thành phố Hải Phòng) ngày 05/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Gia đình hai bên đã khuyên bảo hòa giải nhiều lần

nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Do vậy, anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Bùi Anh D, sinh ngày 14/11/2007 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009. Cháu Anh D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị thống nhất đề nghị giao cháu Quỳnh A cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp: Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự. Công nhận anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M thuận tình ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về lệ phí, anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, Hội đồng giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hiện anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M đang sinh sống tại New Zealand. Đơn yêu cầu, giấy ủy quyền, văn bản trình bày ý kiến của anh chị gửi về đề nghị Tòa án giải quyết đều được hợp pháp hóa lãnh sự. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của anh S, chị M nộp tại Tòa án là đúng ý chí, nguyện vọng của anh chị. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh chị thông qua người đại diện theo ủy quyền là hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh chị, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Bùi Anh D, sinh ngày 14/11/2007 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009. Cháu Anh D đã trưởng thành anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu Quỳnh A, anh chị thống nhất đề nghị giao cháu Quỳnh A cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Quỳnh A có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn nên cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị, chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 29, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn S và chị Bùi Thị M.

- Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Về lệ phí: Anh Trần Văn S phải chịu 150.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000302 ngày 08 tháng 7 năm 2026 (anh Phạm Hoàng L

nộp thay) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng. H lại cho anh Trần Văn S số tiền 150.000đ. Chị Bùi Thị M phải chịu 150.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- UBND phường Hải Dương, TP Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Nhan